

CÁC GIÁO HỘI TÔN GIÁO Ở HOA KỲ VỚI VẤN ĐỀ KINH DOANH

NGUYỄN VĂN DŨNG^(*)

Trong điều kiện của Hoa Kỳ, chính bản thân các tôn giáo đã biến thành một ngành công nghiệp mang lại nhiều lợi nhuận cho giới kinh doanh của các giáo hội⁽¹⁾. Hoạt động của các giáo hội Mỹ thấm sâu tinh thần kiếm tiền. Điều này liên quan tới cả các giáo hội tôn giáo truyền thống như Công giáo, Tin Lành giáo, Do Thái giáo cũng như các tổ chức tôn giáo mới.

Những người đại diện của tư bản độc quyền Mỹ kiểm soát trực tiếp các tổ chức tôn giáo, dùng tôn giáo để phục vụ cho các lợi ích giai cấp của họ. Nguyên Chủ tịch Đảng Cộng sản Mỹ William Foster đã viết: “Về cơ bản, các giáo hội bị các giáo hữu giàu có và các nhà tư bản lớn kiểm soát. Các giáo hội này cũng truyền bá thế giới quan tư sản và thường xuyên sử dụng tôn giáo nhằm phù trợ cho chủ nghĩa tư bản”⁽²⁾.

Mối liên hệ giữa các tổ chức tôn giáo với các tổ chức tư bản độc quyền ở Hoa Kỳ được thực hiện thông qua những cơ quan đặc biệt. Ví dụ, trong *Hội Liên hiệp các nhà công nghiệp quốc gia* người ta đã thành lập *Ủy ban Hợp tác với giáo hội*. Đến lượt mình Ủy ban này lại thành lập hàng trăm các Ủy ban Hợp tác với giáo hội ở các xí nghiệp.

Các hội nghị của các nhà công nghiệp, các cuộc họp cuối năm của các tập đoàn, các buổi tổng kết của các công ti cổ phần đều được bắt đầu bằng thuyết giáo và cầu nguyện. Các đại diện của giới kinh doanh Mỹ luôn bằng mọi cách nhấn mạnh đến tính tôn giáo của mình. Các ông trùm tư bản Mỹ luôn cố gắng hết sức nhằm tăng cường địa vị và ảnh hưởng trực tiếp của giáo hội tới người lao động trong các xí nghiệp công nghiệp. Ở nhiều nhà máy có các linh mục hay các mục sư chuyên làm công việc truyền giáo cho công nhân. Các nhà tư bản độc quyền ngày nay rất quan tâm tới việc làm sao cho ngày càng có nhiều công nhân chịu ảnh hưởng của các tổ chức tôn giáo. Chính bản thân họ cũng chịu ảnh hưởng và tin theo tôn giáo, luôn quan tâm tới việc khắc phục những nhân tố kìm hãm sự phát triển của tôn giáo hay làm suy yếu tôn giáo.

Không có con số thống kê chính xác số người phục vụ trong các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ. Tuy nhiên, theo số liệu của *Hội đồng Quốc gia các giáo hội Mỹ* công bố năm 1973 thì ở nước này có 463.987 giáo sĩ. Con số này chưa phản ánh đầy đủ và còn thấp hơn thực tế, bởi vì không phải

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Babson R. *Religion and Business*. N.Y, 1922, p. 4.
2. Foster W. *Hoàng hôn của chủ nghĩa tư bản thế giới*. Moskva, 1959, tr. 6. (Tiếng Nga)

các nhóm tôn giáo nào cũng thông báo số liệu giáo sĩ cho *Hội đồng Quốc gia các giáo hội Mỹ*. Hơn nữa con số thống kê trên cần được bổ sung thêm hàng chục nghìn người phục vụ ở các cương vị khác nhau trong các tổ chức tôn giáo nhưng không phải là giáo sĩ như các thư kí, các ông từ, những người phục vụ trong các cơ quan xuất bản của giáo hội, các giảng viên của các trường giáo xứ, giáo khu, bộ máy của các tổ chức đảng phái tôn giáo, dân tộc, các tổ chức hiệp thông Giáo hội Kitô giáo, những người làm trong cơ quan từ thiện, v.v... Như vậy, gần 800 nghìn người có thu nhập hoặc một phần, hoặc toàn phần trong các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ và có quan tâm về mặt vật chất đến sự tồn tại của những tổ chức tôn giáo này.

Theo nhận xét của nhà nghiên cứu người Mỹ Johnstown, Giáo hội là một thành phần đáng kể trong nền kinh tế của nước này, vừa là một chủ sở hữu lớn, vừa là một đại lí thu và chi hàng tỉ đôla mỗi năm⁽³⁾.

Nguồn tài chính quan trọng nhất của các giáo hội Mỹ là tiền lạc quyên. Thí dụ, năm 1971 các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ nhận được 8,2 tỉ đôla tiền lạc quyên, trong số đó các giáo phái Tin Lành thu được 3,5 tỉ đôla, Giáo hội Công giáo - 3,7 tỉ đôla, các tổ chức Do Thái giáo - 847 triệu đôla. Năm 1961, trung bình mỗi tín đồ của 40 giáo phái Tin Lành đóng góp 77,75 đôla, đến năm 1976 con số đó là 132,09 đôla⁽⁴⁾. Có trong tay số tiền lớn như vậy, các nhà hoạt động tôn giáo không chỉ dùng chúng để chi cho bộ máy của Giáo hội, xây dựng nhà thờ và các công trình liên quan, trả lương giảng viên trong các trường của Giáo hội, mà còn dùng để mua cổ phiếu của ngân hàng, của các xí nghiệp công nghiệp, của các

hãng bảo hiểm. Doanh lợi thu được từ các hoạt động tài chính này không nhỏ.

Tiền lạc quyên không phải nguồn thu tài chính duy nhất của các giáo hội. Họ còn các nguồn thu khác như tiền cho thuê nhà ở, trụ sở làm việc, bãi đỗ xe, nhà máy, cổ phiếu. Ví dụ, Giáo hội ở Ohio sở hữu cả một trung tâm thương mại, một hãng điện tử, một công ti sản xuất dây thép và lưới thép.

Giáo hội Công giáo Mỹ là một giáo hội giàu nhất thế giới. Nhà báo Mỹ Nino Lo Bello, người nhiều năm nghiên cứu các vấn đề tài chính của Vatican và đã từng viết hai cuốn sách về vấn đề này - "*Đế chế Vatican*" và "*Vatican. Hoa Kỳ*", cho biết các tổ chức Công giáo ở Hoa Kỳ có số tài sản trị giá 80 tỉ đôla, còn thu nhập hàng năm của họ vào khoảng 12,5 tỉ đôla. Linh mục Richard Ginder trong một bài báo được đăng trên nhiều ấn phẩm Công giáo đã viết rằng, Giáo hội Công giáo Mỹ là một tập đoàn lớn nhất. "Chúng tôi có chi nhánh ở mọi vùng. Tài sản và bất động sản của chúng tôi nhiều hơn tài sản và bất động sản của các tập đoàn "Standard Oil", "A.T.T.", "United States Steel" cộng lại"⁽⁵⁾.

Bất động sản của Giáo hội Công giáo Mỹ vào những năm 70 thế kỉ XX được định giá vào khoảng 44,5 tỉ đôla, nhiều hơn tổng giá trị của 5 tập đoàn lớn hàng đầu của Hoa Kỳ là "Standard Oil", "General Motors", "Ford Motors", "United States Steel" và "Sokond Mobil Oil". Tài sản của các tập đoàn trên có tổng giá trị là 38,5 tỉ đôla⁽⁶⁾.

3. Xem: L.N. Velikovich. *Tôn giáo và giáo hội ở Hoa Kỳ*. Moskva, Nauka, 1978, tr. 17.

4. Theo: L.N. Velikovich. Sđd., tr. 17.

5. Lo Bello N. *Vatican. USA*. N.Y., 1972, p. 23.

6. Lo Bello N. Sđd., p. 23.

Kinh doanh của Giáo hội với một quy mô lớn như vậy đã tác động không nhỏ tới việc xác định lập trường của các tổ chức tôn giáo Mỹ đối với các vấn đề chính trị - xã hội của nước này. Bản thân các giáo hội tôn giáo Mỹ rất quan tâm tới sự tồn tại và phát triển của sở hữu tư nhân. Họ luôn bảo vệ lợi ích của giới cầm quyền dưới nhiều hình thức, thường thường được nguy trang một cách khéo léo, nhưng đôi khi cũng rất công khai.

Trong cuốn sách *Hãy tán tụng các ông chủ và đóng nhiều tiền lạc quyền* xuất bản ở London năm 1971 Alan Bestik, tác giả của cuốn sách, đã viết: “Tôn giáo ở Hoa Kỳ - đó là cái gì đấy giống như chum nho chín mọng loại tốt nhất. Những người mưu lợi đem gieo trồng dây nho tài chính vào vườn nho “General Motors”, “Standard Oil”, “Spers Robak” hay thậm chí vào “Fort - Nokse”. Khi những người này bước vào nhà thờ, mặt của họ bị xanh ra do lòng đố kị, giống như màu xanh của tờ đôla.

Trông bề ngoài cực kì đơn giản. Một cácten (cartel) to lớn để đổi lấy một khoản tiền sinh lời hôm nay, người ta hứa đưa anh đến Thiên Đường vào ngày mai. Tuy nhiên, ở đây không có những chuyến đi thử nghiệm không mất tiền như các hãng ô tô tổ chức, không phân phát những tờ quảng cáo hàng hoá và không tổ chức những kì nghỉ cuối tuần thú vị bằng tiền của công ti. Cácten này chưa bao giờ bị thiếu bạn hàng. Ở đây không xảy ra những trường hợp khách hàng đòi hỏi trả lại tiền một cách gay gắt, bởi vì nhiều người muốn mua cho mình một sự sung sướng muôn đời được hứa hẹn trong cuốn sách có cái bìa được trang trí bóng loáng. Tất cả họ đều hiểu rằng, trước tiên cần

đội cái chết và chỉ sau đó mới đi tới vùng đất giàu có và hạnh phúc”⁽⁷⁾.

Ở Hoa Kỳ, hơn bất cứ ở một nước tư bản nào khác, đang tồn tại nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các giáo hội tôn giáo, vượt ra khỏi khuôn khổ của sự làm thoả mãn nhu cầu tôn giáo của các tín đồ. Nhiều nhà hoạt động tôn giáo, miệng thì nói đấu tranh chống nghèo đói, nhưng trên thực tế lại vội vã nhét đầy túi tiền và có tài khoản ở ngân hàng với hàng triệu đôla. Một trong những triệu phú như vậy là mục sư nổi tiếng thuộc phái Baptists - Billi Graem, người đã thuyết giáo trong buổi lễ cầu kinh đầu tiên tại Nhà Trắng ngày 26 tháng 1 năm 1969 khi Nixon vừa trở thành vị Tổng thống thứ 37 của Hoa Kỳ. Không ít người hoạt động tôn giáo đã thành đạt trong môi trường kinh doanh, ví dụ như Thad Armstrong, người đứng đầu cái gọi là *Nhà thờ của Chúa*⁽⁸⁾. Chính phủ luôn khuyến khích việc kinh doanh của Giáo hội. Một trong những ưu đãi có ý nghĩa to lớn cho việc phát triển kinh doanh của Giáo hội ở Hoa Kỳ là việc miễn thuế cho các doanh nghiệp nằm dưới sự chỉ đạo của Giáo hội. Điều này góp phần đẩy mạnh việc thu hút vốn cho các doanh nghiệp trực thuộc Giáo hội.

Số lượng vốn đầu tư và lợi nhuận thu được của các giáo hội nói chung và Giáo hội Công giáo nói riêng không thua kém nhiều tập đoàn lớn của Mỹ. Giám mục James Pike, nguyên cộng tác viên *Trung tâm nghiên cứu các thể chế dân chủ* ở Santa Barbara (California), đã viết:

7. Bestik A. *Kinh doanh của giáo hội*. Tạp chí *Hoa Kỳ: Kinh tế, chính trị, tư tưởng*, 1971, số 12, tr. 52 (tiếng Nga).

8. Bestik A. *Bài đã dân*, tr. 56.

“Không có bí mật hạt nhân nào được giấu kín hơn vấn đề về tiền của các giáo hội”⁽⁹⁾. Theo James Pike, vốn của tất cả các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ có thể vào khoảng 79,5 tỉ đôla, trong số đó phần lớn nhất - 44,5 tỉ đôla do Giáo hội Công giáo kiểm soát. Các giáo hội Tin Lành cùng tất cả các giáo hội và cộng đồng tôn giáo còn lại (bao gồm Chính Thống giáo, Phật giáo, Islam giáo và Mormons), cũng theo J. Pike, sử dụng số vốn là 28 tỉ đôla, các cộng đồng Do Thái giáo chiếm 7 tỉ đôla⁽¹⁰⁾.

Nhà báo Mỹ Robert Rigen khi nghiên cứu về vấn đề tài sản của các giáo hội đã viết: “Nếu các ngài muốn biết tổng số, bao gồm giá trị bất động sản, chứng khoán và các vốn đầu tư khác thuộc tất cả các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ, thì tôi quy tròn số là 100 tỉ đôla”⁽¹¹⁾.

Báo chí nước ngoài đã công bố những tài liệu về mối liên hệ giữa các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ với các tổ hợp công nghiệp quốc phòng. Ba cộng đồng tôn giáo lớn nhất ở Hoa Kỳ - các giáo hội Tin Lành, Giáo hội Công giáo và các tổ chức Do Thái giáo - đã đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thực hiện các đơn đặt hàng quốc phòng với tổng số là 22 tỉ đôla. Đây chính là con số mà *Hội đồng quốc gia các giáo hội Mỹ* đưa ra⁽¹²⁾. Toà Thánh Vatican cũng tham gia đầu tư vốn vào các công ti Mỹ như: “General Motors”, “Shell”, “Gulf Oil”, “International Business Machines” (IBM), v.v...

Vốn đầu tư của các tổ chức tôn giáo vào nền công nghiệp Hoa Kỳ, đặc biệt vào các ngành có liên quan tới các tổ hợp công nghiệp quốc phòng, ở một mức độ đáng kể xác định mối quan hệ qua lại giữa chúng với các tổ chức tư bản độc quyền Mỹ, xác định thái độ của chúng đối với chính sách

đối nội và đối ngoại của Chính phủ Hoa Kỳ. Các tập đoàn Mỹ cố gắng củng cố mối quan hệ của họ với Toà Thánh Vatican không chỉ bởi vì đây là trung tâm của Giáo hội Công giáo, mà còn coi Vatican là một bạn hàng quan trọng với một nguồn vốn đầu tư đáng kể. Khó xác định chính xác vốn đầu tư của Toà Thánh Vatican vào Hoa Kỳ, bởi vì điều này được giữ tuyệt mật. Song báo chí Mỹ cũng như báo chí Phương Tây đã hé mở những tài liệu về mối liên hệ chặt chẽ giữa kinh doanh của Giáo hội với kinh doanh thế tục ở Hoa Kỳ. Các tài liệu này cho biết các nhà kinh doanh của Giáo hội hi vọng thu được nhiều lợi nhuận khi đầu tư vốn vào nền kinh tế Mỹ.

Theo số liệu mà nhà báo Nino Lo Bello đưa ra, hàng năm các tu sĩ Dòng Tên ở Hoa Kỳ có một khoản thu nhập 250 triệu đôla, chưa kể khoản tiền trợ cấp của Chính phủ cho các trường học mà dòng tu này bảo trợ. Trong kinh doanh các tu sĩ Dòng Tên hoạt động rất kiên trì, sử dụng nhiều biện pháp khác nhau. Ví dụ, năm 1969 khi Quốc hội Hoa Kỳ xem xét dự luật về thuế kinh doanh của các giáo hội và tổ chức tôn giáo, các tu sĩ Dòng Tên đã gây áp lực đối với các nghị sĩ nhằm cản trở việc thông qua dự luật đó. Sau đó, mặc dầu dự luật đã được thông qua, luật đã được Tổng thống Hoa Kỳ kí ban hành, nhưng các tu sĩ Dòng Tên vẫn cố gắng để Thượng viện đưa thêm điều bổ sung cho phép không thu thuế từ lợi nhuận của Giáo hội trong vòng 6 tháng⁽¹³⁾.

9. Tạp chí *Hoa Kỳ. Kinh tế, chính trị, tư tưởng*, 1970, số 12, tr. 52, 53 (tiếng Nga).

10. Tạp chí đã dẫn.

11. Tạp chí đã dẫn.

12. Tuần báo *Ở nước ngoài*, 1972, ngày 18-24 tháng 12 (tiếng Nga).

13. Lo Bello N. *Vatican. USA*. N.Y., p. 44.

Mặc dù có một số vốn rất lớn, nhưng các giáo hội (trong đó có Giáo hội Công giáo) trong nhiều năm vẫn kiên trì đấu tranh đòi nhà nước trợ cấp cho các trường học tư trực thuộc các tổ chức tôn giáo. 80% số trường tư hoạt động ở Hoa Kỳ được các tổ chức tôn giáo chu cấp tiền, 3/4 số trường của tôn giáo thuộc về Giáo hội Công giáo.

Năm 1972, lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội Công giáo Mỹ, Hội đồng Giám mục giáo phận New York đã công bố báo cáo tài chính của mình. Tài sản của giáo phận New York được đánh giá là 613 triệu đôla. Những người lập báo cáo đã than phiền rằng, giáo phận bị thiếu hụt 1,6 triệu đôla. Công bố công khai báo cáo tài chính, những người lãnh đạo giáo phận New York muốn làm tiêu tan sự nghi ngờ vào Giáo hội, coi Giáo hội là những người gian lận về tài chính. Các tác giả của báo cáo tài chính trên muốn bác bỏ sự cáo buộc rằng tầng lớp trên của giáo phận là những nhà tư bản lớn. Hơn thế nữa, trong báo cáo tài chính còn khẳng định rằng giáo phận New York cần được bổ sung kinh phí bởi vì số tiền chi phí của giáo phận đã vượt quá số tiền thu được. Giáo phận Công giáo New York là một trong số giáo phận lớn nhất ở Hoa Kỳ. Nó đóng góp vào ngân khố của Vatican nhiều hơn những giáo phận Công giáo khác. Những người lãnh đạo giáo phận New York có ảnh hưởng không nhỏ tới toàn bộ chính sách của Giáo hội Công giáo Mỹ.

Qua những số liệu được công bố tuy chưa đầy đủ trên báo chí Mỹ, qua các cuốn sách của các tác giả Mỹ viết về các vấn đề kinh doanh của các giáo hội đã cho ta cơ sở để đánh giá rằng, Giáo hội

Công giáo, các giáo hội Tin Lành và các thánh đường Do Thái giáo ở Mỹ là những tổ chức kinh doanh rất lớn. Chức năng của các tổ chức này gắn liền với nền kinh tế Mỹ và ở một mức độ nhất định ảnh hưởng tới nền kinh tế của nước này.

Các nhà kinh doanh của các giáo hội tôn giáo Hoa Kỳ quan tâm tới bản tin thị trường chứng khoán, tỉ giá cổ phiếu cũng giống như sự quan tâm của họ tới Kinh Thánh và bài giảng giáo lý của các chức sắc tôn giáo trong các giáo hội. Công việc kinh doanh của các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ gắn kết chặt chẽ các nhà tư bản thế tục với các nhà tư bản tôn giáo, xác định mối quan tâm chung của họ tới sự phát triển của nền kinh tế Mỹ cũng như sự phát triển “kĩ nghệ tôn giáo” của nước này.

Tóm lại, từ những điều đã trình bày trên, tuy mới dừng lại ở những số liệu của những thập kỉ cuối thế kỉ XX, nhưng chúng ta có thể đi đến một nhận xét rằng, các tổ chức tôn giáo ở Hoa Kỳ không chỉ quan tâm đến các vấn đề thuần túy tôn giáo như: đời sống tâm linh của tín đồ; giáo lý, giáo luật của giáo hội; vấn đề truyền giáo và phát triển đạo, v.v... mà còn quan tâm nhiều đến các vấn đề chính trị - xã hội⁽¹⁴⁾, đến sự phân chia quyền lực chính trị⁽¹⁵⁾ và đặc biệt là đến vấn đề kinh doanh trong nền kinh tế thị trường của Hoa Kỳ. Đây có lẽ cũng là một nét đặc đáo của tôn giáo Mỹ./.

14. Xem: Nguyễn Văn Dũng. *Bước đầu tìm hiểu vị trí của tôn giáo trong đời sống chính trị-xã hội Hoa Kỳ nửa sau thế kỉ XX*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, năm 2007, tr. 60-69.

15. Xem: Nguyễn Văn Dũng. *Tôn giáo và sự phân chia quyền lực chính trị ở Hoa Kỳ*. Tạp chí *Công tác Tôn giáo*, số 6, năm 2007, tr.18-21 và 51.